

Số: 150.2/QĐ-PH

Củ Chi, ngày 05 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ
01/04/2021 đến 30/06/2021 của trường THPT Phú Hòa.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán và quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 của trường THPT Phú Hòa theo các biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng văn phòng, bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở GDĐT
- Lưu VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 07 năm 2021, tại văn phòng trường THPT Phú Hòa tiến hành thực hiện công khai niêm yết công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

I/ Thành phần gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	– Hiệu trưởng
Ông Ong Đức Thạnh	– Chủ tịch công đoàn
Ông Huỳnh Quốc Ân	– Trưởng ban thanh tra nhân dân
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến	– Kế toán

II/ Nội dung:

Tiến hành thực hiện niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/202 với nội dung:

- Thời gian bắt đầu kể từ ngày 05/07/2021 đến 06/08/2021
- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin thông báo trường THPT Phú Hòa, nơi thuận tiện để mọi người trong cơ quan, đơn vị được biết.

Thực hiện công khai niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 kết thúc vào lúc 10 giờ 45' cùng ngày.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ong Đức Thạnh

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Luyến

TRƯỞNG BAN TTND



Huỳnh Quốc Ân

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào hồi 16 giờ ngày 06 tháng 08 năm 2021 tại Trường THPT Phú Hòa chúng tôi gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	– Hiệu trưởng
Ông Ong Đức Thạnh	– Chủ tịch công đoàn
Ông Huỳnh Quốc Ân	– Trưởng ban thanh tra nhân dân
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến	– Kế toán

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021 và từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của trường THPT Phú Hòa tại trụ sở làm việc:

- Thời gian niêm yết: Thời gian bắt đầu kể từ ngày 05/07/2021 kết thúc niêm yết vào lúc 16 giờ ngày 06/08/2021 (30 ngày liên tục).
- Trong quá trình niêm yết công khai không có ý kiến nào của cán bộ, giáo viên, nhân viên đang làm việc tại trường THPT Phú Hòa.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 15 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ong Đức Thạnh

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Luyến



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

TRƯỞNG BAN TTND



Huỳnh Quốc Ân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021

(Kèm theo Quyết định số 66-2/QĐ-PH ngày 05/07/2021 của Trường THPT Phú Hòa)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.633.878.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	1.633.878.000	
2.1	Học phí	449.950.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	1.108.650.000	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	75.278.000	
2.4	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	29.700.800	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	22.173.000	
3.2.2	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	7.527.800	
3.2.5	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.604.177.200	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	1.604.177.200	
2.1	Học phí	449.950.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	1.086.477.000	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	67.750.200	
2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Thu viện trợ, tài trợ	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.346.985.332	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	4.346.985.332	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.210.119.948	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)	82.768.466	
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	428.614.778	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	1.625.482.140	

Ngày 05 tháng 07 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Thọ

Đơn vị: TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021

(Kèm theo Quyết định số 156-L/QĐ-PH ngày 06/04/2021 của Trường THPT Phú Hòa)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	1.633.878.000	1.633.878.000
1	Số thu phí, lệ phí		-
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	1.633.878.000	1.633.878.000
	Học phí	449.950.000	449.950.000
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	1.108.650.000	1.108.650.000
	Căn tin + Bãi xe	75.278.000	75.278.000
	Thu lãi ngân hàng		-
B	Chi từ nguồn thu được để lại	828.297.340	828.297.340
1.1	Chi học phí công lập	37.688.640	37.688.640
	Chi tiền mua tập phát thưởng cho học sinh giỏi NH:2020-2021	37.688.640	37.688.640
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	790.608.700	790.608.700
	Chi khen thưởng học sinh giỏi cấp thành phố	900.000	900.000
	Chi tiền ăn và tiền xe cho học sinh khối 12 đi thi học sinh giỏi cấp Thành phố NH:2020-2021	3.600.000	3.600.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NHNN và PTNT củ chi ngày 05/04/2021	100.000	100.000
	Chi hỗ trợ tiền đo thân nhiệt cho học sinh phòng dịch Covid 19 - tháng 03/2021.	6.600.000	6.600.000
	Chi tiền hỗ trợ chi phí học sinh và xe tham gia hội thi tin học trẻ huyện Củ Chi - Năm 2021	600.000	600.000
	Chi tiền hỗ trợ công tác cho GV họp hội nghị chuyên đề năm 2021	5.700.000	5.700.000
	Chi tiền xe vs tiền hỗ trợ cho GV đi kiểm tra chéo hồ sơ năm 2021	2.200.000	2.200.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền BHYT học sinh ở NHNN và PTNT củ chi ngày 14/04/2021	100.000	100.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 19/04/2021	200.000	200.000
	Chi trả phí nộp tiền học phí vào TK KBNN củ chi ngày 19/04/2021	26.598	26.598
	Chi tiền hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động văn nghệ,MC,âm thanh, tuyên truyền lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương (mùng 10 /3/2021)	2.000.000	2.000.000
	Chi tiền gửi bưu điện.	231.715	231.715
	Chi tiền xe đi nộp tiền BHYT học sinh và rút tiền ở NHNN và PTNT củ chi ngày 26/04/2021	100.000	100.000
	Chi trả phí nộp tiền học phí vào TK KBNN củ chi ngày 28/04/2021	87.417	87.417
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 28/04/2021	200.000	200.000
	Chi tiền gia hạn phần mềm diệt virus BKav Pro Internet Security HĐ:48518 ngày 29/04/2021	299.000	299.000
	Chi hỗ trợ tiền đo thân nhiệt cho học sinh phòng dịch Covid 19 - tháng 04/2021.	6.600.000	6.600.000
	Chi tiền nước uống kiểm tra HKII -NH:2020-2021.	1.280.000	1.280.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 10/05/2021	200.000	200.000
	Chi tiền vệ sinh, sửa máy lạnh phòng tài vụ, phòng giáo vụ, phòng thư viện.	900.000	900.000
	Chi tiền gửi bưu điện tháng 4,5 /2021.	277.970	277.970
	Chi hỗ trợ tiền đo thân nhiệt cho học sinh phòng dịch Covid 19 - tháng 05/2021.	1.000.000	1.000.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 14/06/2021	200.000	200.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T2/2021	12.250.000	12.250.000
	Chi trả tiền nước Lavie HĐ 9025 ngày 25/03/2021	3.135.000	3.135.000
	Chi GV tham gia trải nghiệm thực tế KNN-CN CAO NH:2020-2021	3.000.000	3.000.000
	Chi dạy buổi 2 (Từ ngày 01/03/2021-27/03/2021)	183.720.000	183.720.000
	Chuyển tiền công tác quản lý T3/2021	57.267.000	57.267.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T3/2021	14.900.000	14.900.000
	Chuyển tiền GT,GVCN,hở nhóm,BTTND,PC,PĐ,HSG.. T3/2021	57.540.000	57.540.000
	Chi dạy buổi 2 (Từ ngày 29/03/2021-30/04/2021)	184.400.000	184.400.000
	Chuyển tiền công tác quản lý T4/2021	57.267.000	57.267.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T4/2021	14.900.000	14.900.000
	Chuyển tiền GT,GVCN,hở nhóm,BTTND,PC,PĐ,HSG.. T4/2021	43.640.000	43.640.000
	Chi trả tiền thuê xe chở học sinh đi thấp nền tri ân 30/04/2021 (HĐ:0000255 ngày 28/04/2021)	1.000.000	1.000.000
	Chi dạy buổi 2 (Từ ngày 10/05/2021-23/05/2021)	32.640.000	32.640.000
	Chuyển tiền công tác quản lý T5/2021	57.267.000	57.267.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T5/2021	14.900.000	14.900.000
	Chuyển tiền GVCN,hở nhóm,BTTND,PC.. T5/2021(2 tuần)	11.580.000	11.580.000
	Chi tiền công tác nhập liệu kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc Gia 2020 NH:2020-2021	6.000.000	6.000.000
	Chi trả tiền mua đồ dùng sửa ổ khóa (HĐ:0021556 ngày 23/05/2021)	1.800.000	1.800.000
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	-	-
	Trích nguồn CCTL		-
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp		-
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK		-
	Trích nguồn CCTL	-	-
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	-
C	Số thu nộp NSNN	29.700.800	29.700.800



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)	7.527.800	7.527.800
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	22.173.000	22.173.000
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	-
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.346.985.332	4.346.985.332
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.210.119.948	2.210.119.948
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	632.189.808	632.189.808
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	449.438.770	449.438.770
6101	Phụ cấp chức vụ	17.424.000	17.424.000
6105	Phụ cấp làm thêm, làm thêm giờ	226.995.577	226.995.577
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	324.317.920	324.317.920
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	907.500	907.500
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	11.785.260	11.785.260
6299	Chi khác	6.640.000	6.640.000
6301	Bảo hiểm xã hội	215.236.427	215.236.427
6302	Bảo hiểm y tế	36.726.235	36.726.235
6303	Kinh phí công đoàn	22.216.756	22.216.756
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12.025.052	12.025.052
6449	Chi khác	-	-
6501	Tiền điện	42.723.781	42.723.781
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	2.433.000	2.433.000
6551	Văn phòng phẩm	24.700.000	24.700.000
6599	Vật tư văn phòng khác	40.021.000	40.021.000
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	691.212	691.212
6603	Cước phí bưu chính	-	-
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	925.650	925.650
6608	Tạp chí thư viện	-	-
6618	Khoản điện thoại	3.000.000	3.000.000
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	5.400.000
6757	Thuê lao động trong nước	116.084.400	116.084.400
6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	-
7049	Chi khác (Chi sân bãi GDQP)	18.237.600	18.237.600
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	-	-
1.2	Chi cải cách tiền lương (Thường xuyên)	82.768.466	82.768.466
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	44.107.014	44.107.014
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	30.994.461	30.994.461
6101	Phụ cấp chức vụ	1.344.000	1.344.000
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	16.733	16.733
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	70.000	70.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	942.335	942.335
6301	Bảo hiểm xã hội	124.421	124.421
6302	Bảo hiểm y tế	21.329	21.329
6303	Kinh phí công đoàn	5.141.063	5.141.063
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	7.110	7.110
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	428.614.778	428.614.778
MLNS	Nội dung kinh tế		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	210.886.540	210.886.540
6301	Bảo hiểm xã hội	37.905.179	37.905.179
6302	Bảo hiểm y tế	6.326.613	6.326.613
6303	Kinh phí công đoàn	4.217.745	4.217.745
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2.028.701	2.028.701
6449	Chi khác (trợ cấp vùng sâu)	165.900.000	165.900.000
7799	Chi các khoản khác (hỗ trợ nv y tế)	1.350.000	1.350.000
1.3	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	1.625.482.140	1.625.482.140
MLNS	Nội dung kinh tế		
6449	Chi khác (TNTT theo NQ 03/2018/NQ-HĐND)	1.625.482.140	1.625.482.140

Ngày 05 tháng 07 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Thọ